Số: 122/2026/QĐ-UBND
Thời gian ký: 2026-11-16T17:06:34+07:00

Phụ lục IV
ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT VỀ LÂM NGHIỆP
(TÍNH CHO 01 HA)

(Kèm theo Quyết định số 122/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Huế)

1. Cây trồng lâm nghiệp

1.1. Trồng thuần loài cây Keo các loại

a. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Lao động phổ thông	Công		Phù hợp với quy trình kỹ thuật	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	20	Trình độ: Trung cấp trở lên; Quy mô: 10-15 ha/cán bộ	Năm 1: 8 tháng Năm 2: 7 tháng Năm 3: 5 tháng

b. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Làm đất bằng cơ giới	Hố	1.660	Kích thước hố 30x30x30cm. Phù hợp với quy trình kỹ thuật của mô hình, dự án.	Độ dốc ≤ 15^0

c. Định mức giống, vật tư

Thời kỳ	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
Năm 1	Cây giống	Cây	1.660	Theo quy định về quản lý giống cây trồng Lâm nghiệp	Phân NPK (5:10:3)
	Cây giống trồng dặm (10%)	Cây	166		
	Phân NPK (0,2 kg/cây)	Kg	332	Tiêu chuẩn cơ sở (TCCS)	
Năm 2	Phân NPK (0,2 kg/cây)	Kg	332		
Năm 3	Phân NPK (0,2 kg/cây)	Kg	332		

d. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
	Số lần	Lần/năm	01	- Theo quy trình kỹ thuật; - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				

	Hội nghị sơ kết hàng năm	Hội nghị/năm	01		1 ngày/Hội nghị (HN)
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN

1.2. Trồng thuần loài cây Quế

a. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Lao động phổ thông	Công		Phù hợp với quy trình kỹ thuật	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	20	Trình độ: Trung cấp trở lên; Quy mô: 3-6 ha/cán bộ	Năm 1: 8 tháng Năm 2: 7 tháng Năm 3: 5 tháng

b. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Làm đất bằng cơ giới	Hố	4.444	Kích thước hố 30x30x30cm. Phù hợp với quy trình kỹ thuật của mô hình, dự án.	Độ dốc $\leq 15^0$

c. Định mức giống, vật tư

Thời kỳ	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
Năm 1	Cây giống	Cây	4.444	Theo quy định về quản lý giống cây trồng Lâm nghiệp	Phân NPK (5:10:3)
	Cây giống trồng dặm (10%)	Cây	444		
	Phân NPK (0,3 kg/cây)	Kg	1.333	TCCS	
Năm 2	Phân NPK (0,3 kg/cây)	Kg	1.333		
Năm 3	Phân NPK (0,3 kg/cây)	Kg	1.333		

d. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
	Số lần	Lần/năm	01	- Theo quy trình kỹ thuật; - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
	Hội nghị sơ kết hàng năm	Hội nghị/năm	01		1 ngày/HN
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN

1.3. Trồng thuần loài cây Mắc ca

a. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Lao động phổ thông	Công		Phù hợp với quy trình kỹ thuật	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	20	Trình độ: Trung cấp trở lên; Quy mô: 3-6 ha/cán bộ	Năm 1: 8 tháng Năm 2: 7 tháng Năm 3: 5 tháng

b. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Làm đất bằng cơ giới	Hố	280	Kích thước hố 60x60x60cm. Phù hợp với quy trình kỹ thuật của mô hình, dự án.	Độ dốc ≤ 15^0

c. Định mức giống, vật tư

Thời kỳ	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
Năm 1	Cây giống	Cây	280	Theo quy định về quản lý giống cây trồng Lâm nghiệp	Phân NPK (5:10:3)
	Cây giống trồng dặm (10%)	Cây	28		
	Phân NPK (0,5 kg/cây)	Kg	140	TCCS	
Năm 2	Phân NPK (0,2 kg/cây)	Kg	56		
	Phân hữu cơ vi sinh (2 kg/cây)	Kg	560		
Năm 3	Phân NPK (0,2 kg/cây)	Kg	56		
	Phân hữu cơ vi sinh (2 kg/cây)	Kg	560		

d. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
	Số lần	Lần/năm	01	- Theo quy trình kỹ thuật; - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
	Hội nghị sơ kết hàng năm	Hội nghị/năm	01		1 ngày/HN
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN

2. Cây lâm sản ngoài gỗ và cây dược liệu dưới tán rừng

2.1. Trồng cây Thiên niên kiện

a. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Lao động phổ thông	Công		Phù hợp với quy trình kỹ thuật	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	20	Trình độ: Trung cấp trở lên; Quy mô: 3-6 ha/cán bộ	Năm 1: 8 tháng Năm 2: 7 tháng Năm 3: 5 tháng

b. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Làm đất bằng cơ giới	Hố	40.000	Phù hợp với quy trình kỹ thuật của mô hình, dự án.	Độ dốc $\leq 15^0$

c. Định mức giống, vật tư

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Giống trồng mới (cây trong bầu)	Cây	40.000	
	Giống trồng dặm (10%)	Cây	4.000	
2	Phân hữu cơ vi sinh (0,1 kg/cây)	Kg	4.000	Mỗi cây bón lót 0,1 kg phân vi sinh
3	Phân hữu cơ vi sinh (0,1 kg/cây) - Chăm sóc năm 2 và 3	Kg	8.000	Mỗi năm bón thúc 1 lần, 0,1 kg/cây phân vi sinh

d. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
	Số lần	Lần/năm	01	- Theo quy trình kỹ thuật; - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
	Hội nghị sơ kết hàng năm	Hội nghị/năm	01		1 ngày/HN
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN

2.2. Trồng cây Gừng gió

a. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Lao động phổ thông	Công		Phù hợp với quy trình kỹ thuật	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	9	Trình độ: Trung cấp trở lên; Quy mô: 3-6 ha/cán bộ	Năm 1: 9 tháng

b. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Làm đất bằng cơ giới	Hố	33.000	Phù hợp với quy trình kỹ thuật của mô hình, dự án.	Độ dốc ≤ 15^0

c. Định mức giống, vật tư

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Giống trồng mới (cây trong bầu)	Cây	33.000	
	Giống trồng dặm (10%)	Cây	3.300	
2	Phân hữu cơ vi sinh (0,1 kg/cây)	Kg	3.300	Mỗi cây bón lót 0,1 kg phân vi sinh
3	Phân hữu cơ vi sinh (0,1 kg/cây) - Chăm sóc năm 2 và 3	Kg	6.600	Mỗi năm bón thúc 1 lần, 0,1 kg/cây phân vi sinh

d. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01	- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN

2.3. Trồng cây Sa nhân tím

a. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Lao động phổ thông	Công		Phù hợp với quy trình kỹ thuật	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	20	Trình độ: Trung cấp trở lên; Quy mô: 3-6 ha/cán bộ	Năm 1: 8 tháng Năm 2: 7 tháng Năm 3: 5 tháng

b. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Làm đất bằng cơ giới	Hố	2.000	Phù hợp với quy trình kỹ thuật của mô hình, dự án.	Độ dốc ≤ 15^0

c. Định mức giống, vật tư

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Giống trồng mới (cây trong bầu)	Cây	2.000	
	Giống trồng dặm (10%)	Cây	200	
2	Phân NPK (5:10:3) 0,2 kg/cây	Kg	400	
	Phân hữu cơ vi sinh (0,5 kg/cây)	Kg	1.000	
3	Phân hữu cơ vi sinh (0,5 kg/cây) - Chăm sóc năm 2 và 3	Kg	2.000	

d. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
	Số lần	Lần/năm	01	- Theo quy trình kỹ thuật; - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
	Hội nghị sơ kết hàng năm	Hội nghị/năm	01		1 ngày/HN
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN

2.4. Trồng cây Sâm cau

a. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Lao động phổ thông	Công		Phù hợp với quy trình kỹ thuật	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	15	Trình độ: Trung cấp trở lên; Quy mô: 3-6 ha/cán bộ	Năm 1: 8 tháng Năm 2: 7 tháng

b. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Làm đất bằng cơ giới	Hố	20.000	Phù hợp với quy trình kỹ thuật của mô hình, dự án.	Độ dốc ≤ 15^0

c. Định mức giống, vật tư

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
1	Giống trồng mới (cây trong bầu)	Cây	20.000	
	Giống trồng dặm (10%)	Cây	2.000	
2	Phân hữu cơ vi sinh (0,1 kg/cây)	Kg	2.000	Mỗi cây bón lót 0,1 kg phân vi sinh
3	Phân hữu cơ vi sinh (0,1 kg/cây) - Chăm sóc năm 2 và 3	Kg	4.000	Mỗi năm bón thúc 1 lần, 0,1 kg/cây phân vi sinh

d. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
	Số lần	Lần/năm	01	- Theo quy trình kỹ thuật; - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
	Hội nghị sơ kết hàng năm	Hội nghị/năm	01		1 ngày/HN
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN

2.5. Trồng cây Chè dây

a. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Lao động phổ thông	Công		Phù hợp với quy trình kỹ thuật	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	15	Trình độ: Trung cấp trở lên; Quy mô: 3-6 ha/cán bộ	Năm 1: 8 tháng Năm 2: 7 tháng

b. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Làm đất bằng cơ giới	Hố	5.000	Phù hợp với quy trình kỹ thuật của mô hình, dự án.	Độ dốc $\leq 15^0$

c. Định mức giống, vật tư

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
1	Giống trồng mới (cây trong bầu)	Cây	5.000	
	Giống trồng dặm (10%)	Cây	500	

2	Phân hữu cơ vi sinh (0,1 kg/cây)	Kg	500	Mỗi cây bón lót 0,1 kg phân vi sinh
3	Phân hữu cơ vi sinh (0,1 kg/cây) - Chăm sóc năm 2 và 3	Kg	1.000	Mỗi năm bón thúc 1 lần, 0,1 kg/cây phân vi sinh

d. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
	Số lần	Lần/năm	01	- Theo quy trình kỹ thuật; - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
	Hội nghị sơ kết hàng năm	Hội nghị/năm	01		1 ngày/HN
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN

2.6. Trồng cây Lồ ô, Vầu (thuộc họ tre nứa)

a. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Lao động phổ thông	Công		Phù hợp với quy trình kỹ thuật	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	20	Trình độ: Trung cấp trở lên; Quy mô: 5-10 ha/cán bộ	Năm 1: 8 tháng Năm 2: 7 tháng Năm 3: 5 tháng

b. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Làm đất bằng cơ giới	Hố	300	Phù hợp với quy trình kỹ thuật của mô hình, dự án.	Độ dốc $\leq 15^0$

c. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
1	**Giống**			
-	Trồng mới	Cây	300	
-	Trồng dặm (10%)	Cây	30	
2	**Phân NPK (0,3 kg/cây)**	**Kg**	**90**	Phân NPK (5:10:3)

d. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
	Số lần	Lần/năm	01	- Theo quy trình kỹ thuật; - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
	Thời gian	Ngày/lần	01		
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
	Hội nghị sơ kết hàng năm	Hội nghị/năm	01		1 ngày/HN
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN

2.7. Mô hình trồng Tràm năm gân

a. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Lao động phổ thông	Công		Phù hợp với quy trình kỹ thuật	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	20	Trình độ: Trung cấp trở lên; Quy mô: 3-6 ha/cán bộ	Năm 1: 8 tháng Năm 2: 7 tháng Năm 3: 5 tháng

b. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Làm đất bằng cơ giới	Hố	11.100	Phù hợp với quy trình kỹ thuật của mô hình, dự án.	Độ dốc $\leq 15^0$

c. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Cây giống tràm năm gân	Cây	11.100	
	Cây giống trồng dặm (5%)	Cây	5.500	
2	Phân bón NPK (16:16:8)			
	+ Năm 1	Kg	1.100	
	+ Năm 2	Kg	2.200	

d. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Tập huấn xây dựng mô hình**				
	Số lần	Lần/năm	01	- Theo quy trình kỹ thuật;	

	Thời gian	Ngày/lần	01	- Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình.	
2	**Hội nghị sơ kết, tổng kết**				
	Hội nghị sơ kết hàng năm	Hội nghị/năm	01		1 ngày/HN
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN